

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao biên chế công chức, số lượng người làm việc năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 28 quyết định biên chế công chức; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tỉnh Quảng Nam năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định về phân cấp, quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức các tổ chức hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1083/TTr-SNV ngày 17 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính; số lượng người làm việc (biên chế viên chức) trong đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên, hội quán chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ năm 2025 (Chi tiết theo Phụ lục I, II đính kèm).

Điều 2. Giao bổ sung biên chế viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo ngoài số lượng biên chế viên chức giao tại Điều 1 Quyết định này (Chi tiết theo Phụ lục III đính kèm).

Điều 3. Căn cứ vào biên chế công chức, viên chức được giao:

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý biên chế chặt chẽ, hiệu quả, đúng quy định. Đồng thời, thực hiện nghiêm chủ trương tinh giản biên chế tại Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022

của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026, Kế hoạch số 218-KH/TU ngày 18/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tinh giản biên chế và sử dụng biên chế giai đoạn 2022 - 2026, Kế hoạch số 8571/KH-UBND ngày 05/11/2024 của UBND tỉnh về tinh giản biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đến năm 2026 trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập khối chính quyền tỉnh Quảng Nam (cấp tỉnh, cấp huyện) và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Sở Nội vụ, Sở Tài chính có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc quản lý, sử dụng biên chế và kinh phí được giao theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch các Hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, HCTC, NCKS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Dũng

Phụ lục I

BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC GIAO NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2024
của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2025	Ghi chú
I	Cấp tỉnh	1,393	
1	Văn phòng UBND tỉnh	64	
2	Sở Nội vụ	69	
3	Ban Dân tộc	20	
4	Thanh tra tỉnh	37	
5	Sở Tư pháp	31	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	54	
7	Sở Tài chính	63	
8	Sở Giao thông vận tải	56	
9	Sở Công Thương	51	
10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	439	
11	Sở Xây dựng	37	
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	69	
13	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	67	
14	Sở Thông tin và Truyền thông	26	
15	Sở Ngoại vụ	17	
16	Sở Khoa học và Công nghệ	33	
17	Sở Y tế	60	
18	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	63	
19	Sở Giáo dục và Đào tạo	49	
20	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	31	
	Thường trực HĐND tỉnh và các Ban thuộc HĐND tỉnh	10	
21	Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh	44	
22	Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh	3	
II	UBND cấp huyện	1,703	
1	Tam Kỳ	113	
2	Hội An	112	
3	Điện Bàn	114	
4	Thăng Bình	105	
5	Núi Thành	107	
6	Đại Lộc	100	

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2025	Ghi chú
7	Duy Xuyên	98	
8	Quế Sơn	146	
9	Phú Ninh	88	
10	Tiên Phước	91	
11	Hiệp Đức	89	
12	Bắc Trà My	90	
13	Nam Trà My	90	
14	Phước Sơn	90	
15	Nam Giang	90	
16	Đông Giang	90	
17	Tây Giang	90	
Tổng cộng		3,096	

Phụ lục II

BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CHƯA TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN, CÁC HỘI QUẦN CHÚNG ĐƯỢC ĐĂNG, NHÀ NƯỚC GIAO NHIỆM VỤ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng cộng	Biên chế viên chức giao năm 2025								Ghi chú
			Hưởng lương từ NSNN				Hưởng lương từ NTSN				
			Giao năm 2025	Trong đó			Giao năm 2025	Trong đó			
				Sự nghiệp giáo dục-đào tạo	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hóa, thông tin và sự nghiệp khác		Sự nghiệp giáo dục-đào tạo	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hóa, thông tin và sự nghiệp khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Đơn vị sự nghiệp công lập; Hội quần chúng được Đăng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh	8,738	6,489	3,286	2,523	680	2,249	63	2,133	53	
1	Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	8,356	6,195	3,224	2,523	448	2,161		2,133	28	
1.1	Văn phòng UBND tỉnh	12	12			12					
1.2	Sở Nội vụ	15	13			13	2			2	
1.3	Sở Tư pháp	31	31			31					
1.4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	18	18			18					
1.5	Sở Giao thông vận tải	6	6			6					
1.6	Sở Công Thương	17	17			17					
1.7	Sở Nông nghiệp và PTNT	94	90			90	4			4	
1.8	Sở Tài nguyên và Môi trường	25	19			19	6			6	
1.9	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	176	170	24		146	6			6	
1.10	Sở Khoa học và Công nghệ	20	13			13	7			7	
1.11	Sở Y tế	4,656	2,523		2,523		2,133		2,133		
1.12	Sở Giáo dục và Đào tạo	3,200	3,200	3,200							
1.13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	86	83			83	3			3	
2	Đơn vị trực thuộc tỉnh	292	204	62		142	88	63		25	
2.1	BQL các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh	15	15			15					
2.2	BQL Vườn Quốc gia Sông Thanh	31	28			28	3			3	
2.3	Đài Phát thanh - Truyền hình	106	84			84	22			22	
2.4	Trường Cao đẳng Y tế	125	62	62			63	63			
2.5	Tinh đoàn Quảng Nam (đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tinh đoàn)	15	15			15					
3	Hội cấp tỉnh	90	90			90					
3.1	Liên hiệp các hội Khoa học - Kỹ thuật	7	7			7					
3.2	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị	6	6			6					
3.3	Hội Văn học - Nghệ thuật	7	7			7					
3.4	Hội Nhà báo	4	4			4					
3.5	Hội Luật gia	4	4			4					
3.6	Liên minh Hợp tác xã	14	14			14					
3.7	Hội Khuyến học	4	4			4					
3.8	Hội Người mù	4	4			4					
3.9	Hội Chũr thập đỏ	12	12			12					
3.10	Hội Đông y	4	4			4					
3.11	Hội Cựu thanh niên xung phong	4	4			4					
3.12	Ban Đại diện hội Người cao tuổi	4	4			4					
3.13	Hội Nạn nhân chất độc da cam/đioxin	4	4			4					

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tổng cộng	Biên chế viên chức giao năm 2025								Ghi chú
			Hưởng lương từ NSNN				Hưởng lương từ NTSN				
			Giao năm 2025	Trong đó			Giao năm 2025	Trong đó			
				Sự nghiệp giáo dục-đào tạo	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hóa, thông tin và sự nghiệp khác		Sự nghiệp giáo dục-đào tạo	Sự nghiệp Y tế	Sự nghiệp Văn hóa, thông tin và sự nghiệp khác	
3.14	Hội Bảo trợ Người tàn tật - Quyền trẻ em và Bệnh nhân nghèo	4	4			4					
3.15	Hội Từ thiện	4	4			4					
3.16	Hội Từ yêu nước	4	4			4					
II	Đơn vị sự nghiệp công lập; Hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp huyện	21,204	21,144	20,364		780	60			60	
1	Tam Kỳ	1,386	1,381	1,329		52	5			5	
2	Hội An	1,103	1,103	1,080		23					
3	Điện Bàn	2,470	2,470	2,419		51					
4	Thăng Bình	2,199	2,195	2,138		57	4			4	
5	Núi Thành	1,784	1,784	1,751		33					
6	Đại Lộc	1,870	1,862	1,822		40	8			8	
7	Duy Xuyên	1,541	1,541	1,502		39					
8	Quế Sơn	1,532	1,532	1,464		68					
9	Phú Ninh	961	957	909		48	4			4	
10	Tiên Phước	1,124	1,114	1,075		39	10			10	
11	Hiệp Đức	711	711	683		28					
12	Bắc Trà My	1,063	1,045	983		62	18			18	
13	Nam Trà My	861	859	808		51	2			2	
14	Phước Sơn	665	658	613		45	7			7	
15	Nam Giang	710	708	665		43	2			2	
16	Đông Giang	643	643	596		47					
17	Tây Giang	581	581	527		54					
III	Dự phòng	28	28			28					
TỔNG CỘNG		29,970	27,661	23,650	2,523	1,488	2,309	63	2,133	113	

Ghi chú:

- * Phụ lục này chưa bao gồm số liệu biên chế giáo dục - đào tạo được Trung ương giao bổ sung năm học 2022 - 2023 là 142 biên chế, năm học 2023 - 2024 là 151 biên chế.

Phụ lục III

BIÊN CHẾ VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIAO BỔ SUNG NĂM HỌC 2022 - 2023 VÀ NĂM HỌC 2023 - 2024

(Ngoài số biên chế viên chức giao tại Phụ lục II)

(Kèm theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024
của HĐND tỉnh Quảng Nam)

STT	Đơn vị, địa phương	Biên chế giao bổ sung	
		Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
(1)	(2)	(3)	(4)
TỔNG CỘNG		142	151
I	UBND huyện, thị xã, thành phố	126	136
1	Bắc Trà My	28	16
2	Duy Xuyên	0	10
3	Đại Lộc	9	5
4	Đông Giang	12	8
5	Điện Bàn	4	12
6	Hiệp Đức	16	0
7	Hội An	0	5
8	Nam Giang	2	1
9	Nam Trà My	18	11
10	Quế Sơn	2	8
11	Núi Thành	0	18
12	Phú Ninh	0	0
13	Phước Sơn	0	3
14	Tam Kỳ	8	11
15	Tây Giang	0	7
16	Thăng Bình	17	11
17	Tiên Phước	10	10
II	Sở Giáo dục và Đào tạo	16	15